

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 30
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 30

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV G.Home cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV G.Home được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 01 đến lần 04. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 đổi tên từ Công ty TNHH MTV G.Home thành Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home.

Vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 là **36.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chần vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV G.Home thành Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home, với vốn điều lệ là 66.000.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MTV G.HOME

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và đến thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Viện	Ủy viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Các thành viên của Hội đồng quản trị từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Sinh Quyền	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21/8/2014
Bà Nguyễn Thị Sơn	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 21/8/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Sinh Quyền

Số : .../2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV G.Home (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home), được lập ngày 24 tháng 11 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV G.Home tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV G.Home (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home) cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính đã được điều chỉnh, phân loại lại cho phù hợp với quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành (xem thuyết minh số VIII.08).

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 336/2014/BCKT-AASCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của chúng tôi về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH MTV G.Home (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home) được lập ngày 02 tháng 10 năm 2014 do thuyết minh bổ sung thông tin so sánh (trình bày tại thuyết minh VIII.08 từ trang 26 đến trang 29).

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Bùi Thị Ngọc Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.835.261.123	105.752.651.504
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		529.559.334	543.697.150
1.	Tiền	111	V.01	529.559.334	543.697.150
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.461.268.355	26.122.719.259
1.	Phải thu khách hàng	131		54.499.155.702	23.062.664.503
2.	Trả trước cho người bán	132		6.256.487.012	1.498.263.383
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	2.705.625.641	1.561.791.373
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		46.053.123.030	53.042.737.239
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	46.053.123.030	53.042.737.239
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.791.310.404	26.043.497.856
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		119.609.159	18.297.724
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.956.719	972.951.326
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	23.585.744.526	25.052.248.806

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.731.514.298	61.866.995.446
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		64.885.613.414	58.989.789.326
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	61.812.300.650	57.668.329.410
	- Nguyên giá	222		75.541.999.615	64.786.860.312
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.729.698.965)	(7.118.530.902)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	33.476.678	41.554.000
	- Nguyên giá	228		48.554.000	41.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15.077.322)	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	3.039.836.086	1.279.905.916
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2.845.900.884	2.877.206.120
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.845.900.884	2.877.206.120
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.566.775.421	167.619.646.950

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		167.040.615.399	143.690.829.340
I.	Nợ ngắn hạn	310		124.047.442.865	101.449.750.806
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	69.967.552.935	45.630.602.860
2.	Phải trả người bán	312		37.440.117.631	32.255.495.646
3.	Người mua trả tiền trước	313		14.120.032.612	22.210.621.165
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.351.270.703	1.189.659.550
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	-	145.224.585
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	168.468.984	18.147.000
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		42.993.172.534	42.241.078.534
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	42.993.172.534	42.241.078.534
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.526.160.022	23.928.817.610
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	34.526.160.022	23.928.817.610
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	26.529.476.702
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.473.839.978)	(2.600.659.092)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.566.775.421	167.619.646.950

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	<i>USD</i>		<i>7.489,90</i>	<i>433,20</i>
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	196.211.131.985	152.948.222.322
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		196.211.131.985	152.948.222.322
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	178.629.358.588	139.618.865.753
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.581.773.397	13.329.356.569
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	187.888.927	81.140.980
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	11.853.374.596	10.876.142.505
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.552.227.655</i>	<i>10.538.116.071</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		2.768.570.059	1.354.929.135
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.554.118.945	1.137.746.534
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.593.598.724	41.679.375
11.	Thu nhập khác	31		2.716.721	110.251
12.	Chi phí khác	32		148.733.969	205.035.829
13.	Lợi nhuận khác	40		(146.017.248)	(204.925.578)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.447.581.476	(163.246.203)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	320.762.362	33.490.904
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.126.819.114	(196.737.107)

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		200.750.195.894	184.059.799.802
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(204.661.993.358)	(154.870.410.855)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.771.627.203)	(5.861.731.428)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(11.697.452.240)	(11.265.301.109)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	(95.746.318)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		711.522.659	6.898.845.626
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(259.107.304)	(29.443.187.244)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.928.461.552)	(10.577.731.526)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.657.112.771)	(20.093.012.476)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.835.535	8.578.584
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.651.277.236)	(20.084.433.892)

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9.470.523.298	5.136.061.795
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		148.369.621.860	100.159.141.996
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(123.274.544.186)	(74.799.984.685)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.565.600.972	30.495.219.106
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.137.816)	(166.946.312)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		543.697.150	778.664.049
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(68.020.587)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		529.559.334	543.697.150

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH Một thành viên, ngày 18 tháng 4 năm 2014 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 4 năm
- Phần mềm kế toán	3 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong năm là: 1,95 %.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	327.796.351	24.884.994
- Tiền gửi ngân hàng	201.762.983	518.812.156
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	529.559.334	543.697.150

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	2.705.625.641	1.561.791.373
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	2.363.536.323	1.159.236.596
+ Phải thu khác	342.089.318	402.554.777
Cộng	2.705.625.641	1.561.791.373

03. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	31.431.721.050	31.412.628.904
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	326.454.727
- Thành phẩm	6.079.827.367	10.559.990.042
- Hàng hoá	8.541.574.613	10.743.663.566
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	46.053.123.030	53.042.737.239

04. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	23.585.744.526	25.052.248.806
Cộng	23.585.744.526	25.052.248.806

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.475.498.287</i>	<i>47.042.309.299</i>	<i>1.228.347.272</i>	<i>40.705.454</i>	<i>64.786.860.312</i>
- Mua trong năm	-	8.730.582.603	1.827.272.726	-	10.557.855.329
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	339.327.272	-	-	-	339.327.272
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(101.337.844)	-	(40.705.454)	(142.043.298)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>16.814.825.559</i>	<i>55.671.554.058</i>	<i>3.055.619.998</i>	<i>-</i>	<i>75.541.999.615</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.158.431.259</i>	<i>5.832.991.077</i>	<i>116.012.403</i>	<i>11.096.163</i>	<i>7.118.530.902</i>
- Khấu hao trong năm	720.317.688	5.677.729.175	265.265.051	12.689.700	6.676.001.614
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(41.047.688)	-	(23.785.863)	(64.833.551)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.878.748.947</i>	<i>11.469.672.564</i>	<i>381.277.454</i>	<i>-</i>	<i>13.729.698.965</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>15.317.067.028</i>	<i>41.209.318.222</i>	<i>1.112.334.869</i>	<i>29.609.291</i>	<i>57.668.329.410</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>14.936.076.612</i>	<i>44.201.881.494</i>	<i>2.674.342.544</i>	<i>-</i>	<i>61.812.300.650</i>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 55.747.253.229 VND và 46.180.441.924 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Thành Công.

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	41.554.000	41.554.000
- Mua trong năm	7.000.000	7.000.000
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	15.077.322	15.077.322
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	15.077.322	15.077.322
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	41.554.000	41.554.000
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	33.476.678	33.476.678

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao gồm các công trình:		
- Công trình đường bê tông, nhà ăn	1.079.233.189	1.279.905.916
- Công trình nhà xưởng may 2 tầng	1.960.602.897	-
Cộng	3.039.836.086	1.279.905.916

08. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	341.353.556	317.331.150
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.504.547.328	2.559.874.970
Cộng	2.845.900.884	2.877.206.120

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	69.967.552.935	45.630.602.860
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>69.967.552.935</i>	<i>45.630.602.860</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	19.987.518.180	11.243.569.700
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(b)	49.980.034.755	34.387.033.160
Cộng	69.967.552.935	45.630.602.860

(a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 33.12.058.946980.TD ngày 21 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng tín dụng số 22.13.058.946980.TD ngày 24 tháng 5 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được quy định chi tiết tại các khế ước nhận nợ được ký giữa ngân hàng và công ty.

(b) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130402/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 14 tháng 11 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất 9%/năm.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.000.085.387	1.159.236.596
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.185.316	30.422.954
Cộng	2.351.270.703	1.189.659.550

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	-	145.224.585
Cộng	-	145.224.585

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội	168.468.984	18.147.000
Cộng	168.468.984	18.147.000

13. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	42.993.172.534	42.241.078.534
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>42.993.172.534</i>	<i>42.241.078.534</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(a)	1.644.441.000	2.284.400.200
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) ^(b)	4.946.211.200	6.312.654.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	36.402.520.334	33.644.024.334
Cộng	42.993.172.534	42.241.078.534

Chi tiết vay theo nguyên tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	234.640	301.680
+ <i>Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thành Công</i>	<i>234.640</i>	<i>301.680</i>

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05/10/2012 để thanh toán một phần LC cho BU KYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB. Lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (b) Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27/4/2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16/5/2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất. Lãi suất 9%/năm.
- (c) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24/5/2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20/9/2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 11/3/2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tấm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô. Lãi suất từ 8,8% đến 11,1%/năm.

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	21.393.414.907	(65.810.984)	(2.403.921.985)	18.923.681.938
Tăng vốn trong năm trước	5.136.061.795	-	-	5.136.061.795
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(196.737.107)	(196.737.107)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	65.810.984	-	65.810.984
Số dư cuối năm trước	26.529.476.702	-	(2.600.659.092)	23.928.817.610
Số dư đầu năm nay				
Tăng vốn trong năm	9.470.523.298	-	-	9.470.523.298
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.126.819.114	1.126.819.114
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	-	(1.473.839.978)	34.526.160.022

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	36.000.000.000	26.529.476.702
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	26.529.476.702
Cộng	36.000.000.000	26.529.476.702

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	26.529.476.702	21.393.414.907
+ Vốn góp tăng trong năm	9.470.523.298	5.136.061.795
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	26.529.476.702
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	37.837.263.474	20.823.426.968
- Doanh thu bán thành phẩm	158.373.868.511	132.124.795.354
Cộng	<u>196.211.131.985</u>	<u>152.948.222.322</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.120.520.686	11.536.120.165
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	141.508.837.902	128.082.745.588
Cộng	<u>178.629.358.588</u>	<u>139.618.865.753</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.835.535	8.578.584
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	182.053.392	72.562.396
Cộng	<u>187.888.927</u>	<u>81.140.980</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	11.552.227.655	10.538.116.071
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	245.233.691	182.949.840
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.913.250	155.076.594
Cộng	<u>11.853.374.596</u>	<u>10.876.142.505</u>

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	320.762.362	33.490.904
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>320.762.362</u>	<u>33.490.904</u>

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.083.183.857
- Chi phí nhân công	7.067.583.404
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.691.078.936
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.129.281.029
- Chi phí khác bằng tiền	1.053.782.278
Cộng	<u><u>141.024.909.504</u></u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	144.483.754
Cộng	<u><u>144.483.754</u></u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội thất G.HOME	Công ty có cùng công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME</i>	
- Mua nguyên vật liệu	7.209.763.192
- Mua hàng hóa	205.222.112
- Tập đoàn trả hộ gốc vay	314.250.000
<i>Công ty TNHH MTV Đệm và Nội thất G.HOME</i>	
- Mua nguyên vật liệu	6.778.343.090
- Mua hàng hóa	1.643.232.000

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		
+ Phải thu của khách hàng	9.521.820.983	-
Công nợ phải thu	9.521.820.983	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		
+ Phải trả cho người bán	-	8.724.829.881
Công ty TNHH MTV Dệt và Nội thất G.Home		
+ Phải trả cho người bán	3.558.725.150	692.877.060
Cộng nợ phải trả	3.558.725.150	9.417.706.941

02. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, đệm, chăn.
- Lĩnh vực 2: Thương mại kinh doanh bông, đệm, ruột chăn, ruột gối.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Sản xuất</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	158.373.868.511	37.837.263.474	196.211.131.985
- Chi phí phân bổ	154.413.860.404	40.203.672.857	194.617.533.261
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.960.008.107	(2.366.409.383)	1.593.598.724
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	12.959.705.963	589.917.479	13.549.623.442
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.191.168.374	361.577.312	7.552.745.686
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	183.956.493.363	17.080.722.724	201.037.216.087
- Tài sản không phân bổ			529.559.334
Tổng tài sản	183.956.493.363	17.080.722.724	201.566.775.421
- Nợ phải trả bộ phận	166.554.709.969	485.905.430	167.040.615.399
- Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	166.554.709.969	485.905.430	167.040.615.399

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	529.559.334	-	543.697.150	-	529.559.334	543.697.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.841.245.020	-	23.465.219.280	-	54.841.245.020	23.465.219.280
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	55.370.804.354	-	24.008.916.430	-	55.370.804.354	24.008.916.430
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	37.440.117.631	32.255.495.646	37.440.117.631	32.255.495.646		
Vay và nợ	112.960.725.469	87.871.681.394	112.960.725.469	87.871.681.394		
Chi phí phải trả	-	145.224.585	-	145.224.585		
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-		
Cộng	150.400.843.100	120.272.401.625	150.400.843.100	120.272.401.625		

04. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.05). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
- Nguyên Giá	55.747.253.229	Để đầu tư mua sắm tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất bông tằm, chăn vi tính, sản xuất đệm và sản xuất hàng may mặc
- Giá trị còn lại	46.180.441.924	

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	37.440.117.631	-	-	37.440.117.631
Vay và nợ	69.967.552.935	42.993.172.534	-	112.960.725.469
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	107.407.670.566	42.993.172.534	-	150.400.843.100
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	32.255.495.646	-	-	32.255.495.646
Vay và nợ	45.630.602.860	42.241.078.534	-	87.871.681.394
Chi phí phải trả	145.224.585	-	-	145.224.585
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	78.031.323.091	42.241.078.534	-	120.272.401.625

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh, phân loại lại cho phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể như sau:

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã lập Báo cáo tài chính 2012	Số liệu điều chỉnh, phân loại lại	Chênh lệch	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	81.911.913.502	105.752.651.504	23.840.738.002	
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	611.717.737	543.697.150	(68.020.587)	
Tiền	111	611.717.737	543.697.150	(68.020.587)	(01)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.397.175.546	26.122.719.259	23.725.543.713	
Phải thu khách hàng	131	835.384.173	23.062.664.503	22.227.280.330	(02)
Trả trước cho người bán	132	-	1.498.263.383	1.498.263.383	(03)
Hàng tồn kho	140	52.858.452.239	53.042.737.239	184.285.000	
Hàng tồn kho	141	52.858.452.239	53.042.737.239	184.285.000	
Tài sản ngắn hạn khác	150	26.044.567.980	26.043.497.856	(1.070.124)	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	973.337.143	972.951.326	(385.817)	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	684.307	-	(684.307)	
Tài sản cố định	220	61.485.811.569	58.989.789.326	(2.496.022.243)	
Tài sản cố định hữu hình	221	57.604.476.683	57.668.329.410	63.852.727	(04)
- Nguyên giá	222	64.650.033.039	64.786.860.312	136.827.273	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(7.045.556.356)	(7.118.530.902)	(72.974.546)	
Tài sản cố định vô hình	227	2.601.428.970	41.554.000	(2.559.874.970)	(05)
- Nguyên giá	228	2.743.862.701	41.554.000	(2.702.308.701)	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(142.433.731)	-	142.433.731	
Tài sản dài hạn khác	260	381.183.877	2.877.206.120	2.496.022.243	
Chi phí trả trước dài hạn	261	381.183.877	2.877.206.120	2.496.022.243	(06)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	143.778.908.948	167.619.646.950	23.840.738.002	
NỢ PHẢI TRẢ	300	119.757.668.049	143.690.829.340	23.933.161.291	
Nợ ngắn hạn	310	77.515.248.715	101.449.750.806	23.934.502.091	
Vay và nợ ngắn hạn	311	45.620.466.011	45.630.602.860	10.136.849	
Phải trả người bán	312	21.154.467.582	32.255.495.646	11.101.028.064	(07)
Người mua trả tiền trước	313	-	22.210.621.165	22.210.621.165	(02)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.159.236.596	1.189.659.550	30.422.954	
Phải trả nội bộ	317	9.417.706.941	-	(9.417.706.941)	(07)
Nợ dài hạn	330	42.242.419.334	42.241.078.534	(1.340.800)	
Phải trả dài hạn khác	333	42.242.419.334	-	(42.242.419.334)	(08)
Vay và nợ dài hạn	334	-	42.241.078.534	42.241.078.534	(08)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24.021.240.899	23.928.817.610	(92.423.289)	
Vốn chủ sở hữu	410	24.021.240.899	23.928.817.610	(92.423.289)	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26.529.476.702	26.529.476.702	-	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(84.517.070)	-	84.517.070	(09)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(2.423.718.733)	(2.600.659.092)	(176.940.359)	(10)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	143.778.908.948	167.619.646.950	23.840.738.002	

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã lập Báo cáo tài chính 2012	Số liệu điều chỉnh, phân loại lại	Chênh lệch	Ghi chú
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	48.539.678	81.140.980	32.601.302	(11)
Chi phí tài chính	22	10.698.093.922	10.876.142.505	178.048.583	(12)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>10.538.116.071</i>	<i>10.538.116.071</i>	-	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	187.126.656	41.679.375	(145.447.281)	
Chi phí khác	32	204.650.012	205.035.829	385.817	
Lợi nhuận khác	40	(204.539.761)	(204.925.578)	(385.817)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(17.413.105)	(163.246.203)	(145.833.098)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.383.643	33.490.904	31.107.261	(13)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(19.796.748)	(196.737.107)	(176.940.359)	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	184.923.442.817	184.059.799.802	(863.643.015)	
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(88.978.576.612)	(154.870.410.855)	(65.891.834.243)	(14)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.390.199.756	6.898.845.626	(4.491.354.130)	(15)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(38.691.481.918)	(29.443.187.244)	9.248.294.674	(16)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.420.805.188	(10.577.731.526)	61.998.536.714	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.620.000)	(20.093.012.476)	(20.087.392.476)	(14)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.958.584	(20.084.433.892)	(20.087.392.476)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	270.000.000	5.136.061.795	4.866.061.795	(15)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.929.363.445	100.159.141.996	77.229.778.551	(14)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.790.073.529)	(74.799.984.685)	(9.911.156)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51.590.710.084)	30.495.219.106	(82.085.929.190)	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(68.020.587)	68.020.587	(01)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	611.717.737	543.697.150	68.020.587	

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (01): Tiền giảm là do đánh giá lại số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ (USD) của tài khoản thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (02): Phải thu khách hàng tăng và người mua trả tiền trước lên là do khi lập Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã thực hiện bù trừ giữa “Phải thu khách hàng” và “Người mua trả tiền trước”.
- (03): Trả trước cho người bán tăng lên là do khi lập Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã thực hiện bù trừ giữa “trả trước cho người bán” và “phải trả người bán”.
- (04): Tài sản cố định hữu hình tăng lên là do đầu tư đường bê tông nội bộ đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định hữu hình nhưng đang trình bày trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn”.
- (05): Tài sản cố định vô hình giảm là do chi phí san lấp mặt bằng tại Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để xây dựng nhà máy đang trình bày trên khoản mục “Tài sản cố định vô hình” thay vì việc trình bày trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn”.
- (06): Chi phí trả trước dài hạn tăng do ảnh hưởng tăng tài sản cố định hữu hình { ghi chú (04)} và giảm tài sản cố định vô hình { ghi chú (05)}.
- (07): Phải trả người bán tăng do khi lập bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã thực hiện bù trừ giữa “Phải trả người bán” và “Người mua trả tiền trước” đồng thời phân loại lại khoản phải trả mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Tập Đoàn G.Home (là Công ty mẹ) đã trình bày trên khoản mục “Phải trả nội bộ”.
- (08): “Phải trả dài hạn khác” giảm và “Vay và nợ dài hạn” tăng lên do khoản vay dài hạn ngân hàng khi lập Báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2012 đang trình bày trên khoản mục “Phải trả dài hạn khác” thay vì việc trình bày trên khoản mục “Vay và nợ dài hạn” và đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo quy định hiện hành.
- (09): Chênh lệch tỷ giá tăng do xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm 2012 chưa ghi nhận vào chi phí tài chính để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- (10): Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi là do ảnh hưởng đánh giá chênh lệch tỷ giá và ghi nhận bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- (11): Doanh thu hoạt động tài chính tăng lên là do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của khoản vay ngắn hạn, phải thu khách hàng trong năm 2012.
- (12): Chi phí tài chính tăng lên là đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản công nợ có gốc ngoại tệ.
- (13): Hạch toán bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- (14): Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ tăng lên do phân loại lại như sau:
- Tiền chi thanh toán mua sắm tài sản cố định năm 2012 nhưng khi lập Báo cáo tài chính đang trình bày là khoản chi trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ số tiền 20.087.392.476 đồng.
 - Vay ngắn hạn ngân hàng thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp nhưng khi lên lưu chuyển tiền tệ không trình bày khoản tăng “Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ” và tăng “Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được” số tiền là 77.229.778.551 đồng.
 - Một số khoản chi trả nhà cung cấp nhưng khi lập lưu chuyển tiền tệ đang trình bày là khoản “Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh” số tiền 8.749.448.168 đồng.
- (15): Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh giảm đi do phân loại lại khoản vốn góp của chủ sở hữu số tiền 4.866.061.795 đồng và ảnh hưởng của các phân loại khác.
- (16): Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh giảm do ảnh hưởng của việc phân loại “Tiền chi trả cho nhà cung cấp” số tiền 8.749.448.168 đồng và ảnh hưởng của các khoản phân loại khác.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền